

Bản án số: **166/2018/DS-PT**

Ngày: 19 - 10 - 2018.

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Bà Đặng Thị Bích Vân

*** Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Hoàng M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàng M:

1. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp 177/32/3/24 đường Liên khu 4-5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:** Anh Trần Thanh H (Trần Văn L), sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1986.
2. Anh Trần Văn G, sinh năm: 1985.
3. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1957.
4. Ông Trương Việt T, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Lê Hoàng M và bị đơn anh Trần Thanh H.

(Bà T, ông Tuấn A, anh H có mặt; anh M, anh T,
anh G, bà B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàng M trình bày:**

Năm 2015, anh Lê Hoàng M có thuê đất của cha ruột anh M là ông Lê Minh Q, diện tích 4.500 m² với giá thuê là 4.500.000 đồng/1.000 m² để trồng khoai môn. Sau khi xuống giống khoai được 45 ngày đang thời kỳ phát triển thì anh Trần Thanh H xịt thuốc cỏ lúa giáp ranh với khoai môn của anh, thuốc bay qua rẫy khoai bị héo lá và chết dần thiệt hại khoảng 1.500 m². Anh đã trình báo với chính quyền địa phương giải quyết nên anh H chỉ chấp nhận bồi thường 5.000.000 đồng, anh không đồng ý. Sau đó, UBND xã T giải quyết và động viên anh H bồi thường cho anh 10.000.000 đồng, anh cũng không đồng ý. Tổng số môn anh bị thiệt hại là 137 liếp, mỗi liếp dài khoảng 27m, trong đó thiệt hại 100% là 83 liếp, 60% là 29 liếp và còn lại 44 liếp, giống mỗi cây môn 800 đồng, một công đất trồng được 2.300 cây, tổng chi phí đầu tư khoảng 7.000.000 đồng/công, L nhuận trung bình mỗi công là 10.000.000 đồng. Do đó, anh M yêu cầu bồi thường thiệt hại vốn bỏ ra đầu tư là 75.960.000 đồng, tiền lãi thu hoạch 45.000.000 đồng (bình quân 1.000 m² thu nhập 10.000.000 đồng x 4.500 m²), tổng thiệt hại là 120.960.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh M là bà Lê Thị Kim T yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng.

*** Bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) trình bày:**

Anh có xịt thuốc cỏ lúa của gia đình anh, giáp ranh đất anh M trồng khoai môn. Trong lúc xịt thuốc, thuốc bay qua rẫy khoai môn của anh M mới xuống

giống được khoảng 20 ngày. Tại ban hòa giải áp giải quyết anh M đồng ý cho anh bồi thường 10.000.000 đồng nhưng ông Quang cha anh M không đồng ý.

Tại thời điểm đó một công đất khoai môn được từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng, số môn bị thiệt hại khoảng 30 lóp, tương đương với 01 công môn, thiệt hại xảy ra không pH do lỗi của anh hoàn toàn mà cũng có một phần lỗi của anh M không khắc phục mà bỏ mặc cho thiệt hại xảy ra. Tại phiên tòa, anh H đồng ý bồi thường cho anh M 15.000.000 đồng.

*** Người làm chứng anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn G và bà Trần Thị B, ông Trần Việt T thống nhất trình bày:**

Anh T, anh G và bà B là những người có kinh nghiệm lâu năm trong nghề trồng khoai môn. Tại thời điểm đó thiệt hại khoảng nửa công đất, mỗi dòng khoai môn thiệt hại khoảng 4 đến 8 bụi môn. Chi phí một công tầm lớn trồng môn từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, L nhuận thu được từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoàng M về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

2. Buộc bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn anh Lê Hoàng M số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*** Ngày 06/07/2018**, anh Lê Hoàng M kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh, buộc bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) pH bồi thường số tiền 129.600.000 đồng.

*** Ngày 08/07/2018**, anh Trần Thanh H kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý bồi thường cho anh M số tiền 30.000.000 đồng như bản án sơ thẩm. Anh chỉ đồng ý bồi thường cho anh M số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Hoàng M thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu anh Trần Thanh H (Trần Văn L) pH bồi thường số tiền 129.600.000 đồng, chỉ yêu cầu anh Trần Thanh H (Trần Văn L) bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Lê Hoàng M số tiền 35.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn anh H bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn anh M tổng số tiền là 35.000.000 đồng và buộc các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, HĐXX nhận thấy:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Hoàng M và bị đơn anh Trần Thanh H đều thống nhất xác định: Năm 2015, anh Trần Thanh H có xịt thuốc cỏ trên phần đất của mình, hơi thuốc bay sang liếp đất trồng khoai môn của anh Lê Hoàng M gây thiệt hại (BL 65, 66).

[2] Về giá trị thiệt hại: Tại Tờ tường trình ngày 11/12/2015, anh Lê Hoàng M xác định anh Trần Thanh H đã xịt thuốc diệt cỏ bay qua đám khoai môn của anh trồng được hơn 01 tháng, gây thiệt hại diện tích khoảng 1.500 m². Ngày 12/12/2015, Ban lãnh đạo Ấp S, xã T đã tiến hành xác minh và xác định diện tích khoai môn bị thiệt hại của anh M do hơi thuốc bay sang có diện tích 2.000 m². Đến ngày 20/3/2016, thời điểm ruộng khoai môn chuẩn bị thu hoạch, UBND xã T đã khảo sát và xác minh lại thiệt hại đối với diện tích đất trồng khoai môn của anh M, đã kết luận: Trên diện tích đất trồng môn 4.500 m² có 137

liếp môn, mỗi liếp dài 27m, trong đó tổng thiệt hại không thu hoạch được là 83 liếp, còn lại 54 liếp (BL 12). Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 05/5/2016 của TAND huyện H đã xác định trên phần đất của anh M có 55,5 liếp trồng môn đã đến cử thu hoạch, 83 liếp bị thiệt hại toàn bộ. Đoàn kiểm tra đã nhổ 01 liếp trồng môn phát triển bình thường thu được củ môn lớn 54kg, khoai môn giáo là 30,5 kg (BL 47).

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Trần Thanh H, HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại là do anh H đã xịt thuốc cỏ, hơi thuốc bay sang làm ảnh hưởng trực tiếp đến ruộng khoai môn đã trồng hơn 01 tháng của anh M gây thiệt hại nên lỗi là do anh H. Mặc dù, chi phí đầu tư đối với diện tích môn bị thiệt hại là do anh M tự kê khai, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nhưng thực tế anh M đã đầu tư cây giống, chi phí và thiệt hại làm cho môn chết đã xảy ra. Sau khi ruộng môn bị thiệt hại, anh M tiếp tục chăm sóc và thiệt hại thực tế đã được xem xét tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/5/2016 của TAND huyện H (BL 47). Anh H kháng cáo không đồng ý bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, mà chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại với số tiền 15.000.000 đồng là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh H rút toàn bộ nội dung kháng cáo và đồng ý bồi thường cho anh M tổng số tiền thiệt hại là 35.000.000 đồng. Xét thấy, sự tự nguyện của anh H là phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận.

[4] Đối với kháng cáo của anh M, HĐXX xét thấy: Đất anh M thuê của ông Q 4.000.000 đồng/công, mỗi năm trồng hai vụ môn. Trong diện tích 4.500 m² trồng được 137 liếp môn, như vậy 83 liếp trồng môn bị thiệt hại tương đương với diện tích 2.700 m². Theo các nhân chứng anh Trần Văn T, anh Trần Văn G và bà Trần Thị B cho rằng chi phí đầu tư mỗi công môn khoảng 6.000.000 đồng, L nhuận mỗi công từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Do đó, nếu diện tích 2.700 m² không bị thiệt hại thì anh M thu được mỗi 1.000 m² (tính cả chi phí đầu tư) là 6.000.000 đồng + 7.000.000 đồng + 2.000.000 đồng (tiền thuê đất) = 15.000.000 đồng x 2.700 m² = 40.500.000 đồng. Mỗi vụ môn từ khi trồng đến khi thu hoạch khoảng 06 tháng, thời điểm ruộng môn anh M bị thiệt hại chỉ trồng được 45 ngày, do đó trừ chi phí đầu tư, chăm sóc từ khi ruộng môn bị thiệt hại đến khi thu hoạch, cấp sơ thẩm tuyên buộc anh H pH bồi thường cho anh M số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp thực tế thiệt hại xảy ra. Do đó, đại

diện theo ủy quyền của anh M yêu cầu anh H phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 40.000.000 đồng là không có căn cứ để HĐXX xem xét chấp nhận.

Từ những nhận định trên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Hoàng M; đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L); sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của anh H bồi thường cho anh M số tiền 35.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L).

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Hoàng M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoàng M với bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) chấp nhận bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn anh Lê Hoàng M số tiền 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*).

[3] Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Trần Thanh H (Trần Văn L) không trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh Trần Thanh H (Trần Văn L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc nguyên đơn anh Lê Hoàng M chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.020.000 đồng mà anh M đã nộp (do ông Lê Minh Q nộp thay) theo biên lai thu tiền 0005454 ngày 24/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Anh Lê Hoàng M được nhận lại số tiền 2.720.000đ (*hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Anh Lê Hoàng M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh M 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp (do ông Lê Minh Q nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0006839 ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh Trần Thanh H (Trần Văn L) 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006842 ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện H;
- T.H.A DS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Võ Kế Nghiệp